

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

“V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Nguyễn Đăng Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956; HKTT: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, HKTT: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Chẩn, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là UBND phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 1978. Quá trình chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không thống nhất được mọi vấn đề cần giải quyết trong cuộc sống. Năm 2010, bà H đã làm đơn ly hôn sau đó rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định số 45 ngày 06/11/2018. Năm 2020, ông L đã làm đơn ly hôn và Tòa án đã xử bác yêu cầu ly hôn tại Bản

án sơ thẩm số 19 ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) và Bản án phúc thẩm số 13 ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Từ đó đến nay, ông L bà H vẫn chung sống cùng nhà nhưng ở riêng mỗi người một phòng, ăn riêng, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Ông L xác định không còn tình cảm với bà H và không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông L bà H có 3 con chung là Nguyễn Thị Hương sinh năm 1979, Nguyễn Văn Hải sinh năm 1982 và Nguyễn Thị Hà sinh năm 1987. Các con đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà công nhận lời trình bày của ông L về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Giữa bà và ông L có nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau. Mặc dù chung sống cùng nhà nhưng bà H và ông L không ai quan tâm đến ai, mỗi người ở riêng một phòng, ăn riêng, tự lo cho cuộc sống của mình. Ông L xin ly hôn bà H chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện giải quyết về tài sản chung. Khi nào giải quyết xong về tài sản thì bà H mới ly hôn.

Về con chung như ông L trình bày là đúng.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 74, diện tích 124,8m², trên đất có ngôi nhà 2 tầng và thửa đất số 73, diện tích 152m², trên đất có nhà cấp 4 ở khu phố Doi Sốc, phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bà H đề nghị chia tài sản theo quy định của pháp luật. Bà H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định, định giá tài sản. Bà H đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản, đã được giải thích quy định của pháp luật về việc nộp tiền này nhưng bà H không nộp. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Về công nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà H. Con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết do các con đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh. Tài sản chung, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H đồng ý ly hôn với điều kiện giải quyết về tài sản. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo như đơn khởi kiện. Bà đã nhận được Thông

báo nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản, đã được giải thích quy định của pháp luật về việc nộp tiền này nhưng bà H không nộp. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Về công nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 232, 235, 262, 266, 271, 273 BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H là người yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

Về công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 20/9/2022, bị đơn là bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào hồi 8 giờ ngày 29/9/2022.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, bà H có đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trú tại khu phố Doi Sốc, phường Phù Chân, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L kết hôn với bà Nguyễn Thị H vào năm 1978, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận khi chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống. Bà H có đơn giải quyết ly hôn năm 2010, sau đó Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án năm 2018. Ông L có đơn giải quyết ly hôn năm 2020, Tòa án đã giải quyết bác đơn ly hôn. Từ đó đến nay, mặc dù sống cùng nhà nhưng ông L, bà H đều thừa nhận mỗi người ở một phòng riêng, ăn riêng, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, bà H đồng ý ly hôn với điều kiện chia tài sản. Căn cứ vào kết quả xác minh với trưởng khu phố Doi Sốc và Công an phường Phù Chẩn phụ trách khu phố Doi Sốc thì ông L, bà H trong thời gian chung sống tại khu phố Doi Sốc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông L, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, xử cho ông L được ly hôn bà H.

Về con chung: Do các con chung của ông L, bà H đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L là nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bà H là bị đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, Tòa án đã thụ lý yêu cầu này nhưng bà H không nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá theo Thông báo của Tòa án vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của bà H. Bà H có quyền khởi kiện lại vụ án về chia tài sản trong vụ án khác.

Về công nợ: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H trình bày không có. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông L, bà H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị H. Bà H có quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác đối với yêu cầu chia tài sản.

Án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn L. Hoàn trả ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số AA/2021/0003525 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- UBND phường Phù Chẩn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh